

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 188/2025/DS-ST
Ngày 25 - 9 - 2025
“*V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :**
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Xuân Trúc
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hoàng Dân
Bà Huỳnh Trúc Duyên
- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Diễm Quỳnh - Là Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 1 - Cà Mau, tỉnh Cà Mau.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Cà Mau, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Quốc Phong – Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 400/2025/TLST-DS ngày 09 tháng 6 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 415/2025/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Huỳnh Văn Đ, sinh năm 1989; CCCD số: 096089000678, cấp ngày: 25/4/2021.

Địa chỉ cư trú: Nhà không số, ấp B, xã L, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trương Trí M; sinh năm: 1993; CCCD số: 096093005740, cấp ngày 11/8/2021; Địa chỉ: Ấp E, xã T, tỉnh Cà Mau – Theo văn bản ủy quyền ngày 27/5/2025. (có mặt)

- Bị đơn:

1. Ông Trịnh Minh A, sinh năm: 1975; CCCD số: 096075000777, cấp ngày: 24/4/2021. (có mặt)

2. Bà Huỳnh Thị Ngọc Á, sinh năm: 1976; CCCD số: 096176003586, cấp ngày: 13/8/2021. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: Nhà không số, đường N, khóm F, phường A, tỉnh Cà Mau.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trương Trí M; sinh năm: 1993; CCCD số: 096093005740, cấp ngày 11/8/2021.

Địa chỉ cư trú: Ấp E, xã T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án đại diện nguyên đơn – ông Trương Trí M trình bày:*

Vào ngày 22/11/2024, ông Huỳnh Văn Đ có cho ông Trịnh Minh A, bà Huỳnh Thị Ngọc Á mượn 440.000.000 đồng, thời hạn mượn là 06 ngày tính từ ngày 22/11/2024 đến ngày 28/11/2024 ông A, bà Á sẽ hoàn trả lại. Mục đích mượn tiền dùng để mua quán cà phê. Tuy nhiên đến ngày 28/11/2024, ông A và bà Á không thanh toán như thỏa thuận. Sau đó, ông Đ trình báo đến Công an phường I, thành phố C để giải quyết. Trong quá trình hòa giải tại trụ sở văn hóa khóm F, phường I, thành phố C, ông A và bà Á đã thanh toán được 180.000.000 đồng và cam kết đến ngày 30/3/2025 sẽ trả đủ số tiền 255.000.000 đồng (các bên đã thỏa thuận giảm 5.000.000 đồng) nhưng đến nay ông A và bà Á vẫn chưa thanh toán cho ông Đ. Tại đơn khởi kiện, ông Đ yêu cầu Toà Án xem xét buộc ông A và bà Á trả lại số tiền vốn vay là: 255.000.000 đồng và tính lãi từ ngày 12/12/2024 đến ngày xét xử là với lãi suất 1,66%/tháng. Tuy nhiên tại phiên tòa nguyên đơn tự nguyện giảm lãi, chỉ yêu cầu tính lãi 0,8%/tháng.

** Bị đơn - ông Trịnh Minh A trình bày:* Không thừa nhận có mượn tiền của ông Huỳnh Văn Đ mà cho rằng ngày 19/9/2024 ông A, bà Á có vay của ông Trương Chí M1 số tiền 1.500.000.000 đồng. Để đảm bảo cho khoản vay ông A, bà Á đã thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông M1 nhưng ông M1 buộc ông A và bà Á phải làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Đối với khoản vay này, ông A và bà Á đã thanh toán xong nên ông M1 đã làm thủ tục hủy hợp đồng chuyển nhượng. Tuy nhiên, do còn nợ lại phần lãi nên ông M1 đã nhiều lần đến nhà ông A, bà Á để gây rối buộc ông A và bà Á viết biên nhận nợ với ông Đ. Ông cho rằng phần lãi này là cao so với quy định. Sau đó ông A, bà Á đã thanh toán cho ông Đ 02 lần, cụ thể: lần 01 thanh toán 180.000.000 đồng đã được ông M1 thừa nhận và lần 02 thanh toán 20.000.000 đồng. Hiện nay, ông A xác định chỉ thống nhất trả số tiền vốn còn lại, không đồng ý trả lãi.

** Đối với bị đơn - bà Huỳnh Thị Ngọc Á:* Trong quá trình giải quyết vụ án bà Huỳnh Thị Ngọc Á đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập họp lệ nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do và cũng không gửi cho cho Tòa án văn bản thể hiện ý kiến của mình.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Trương Trí M trình bày:* Không thừa nhận có cho ông A, bà Á vay số tiền 1.500.000.000 đồng mà cho rằng đây là việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông với ông A, bà Á. Tuy nhiên, trong quá trình giao dịch ông A, bà Á không thế giao đất như thỏa thuận nên các bên thống nhất hủy hợp đồng chuyển nhượng. Hiện ông M tham gia tố tụng với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của ông Đ và ông không liên quan đến giao dịch vay mượn này.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực I - Cà Mau phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của các đương sự và những người tham gia tố tụng khác từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Trịnh Minh A và bà Huỳnh Thị Ngọc Á phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông Huỳnh Văn Đ số tiền 255.000.000 đồng và lãi tính từ ngày 12/12/2024 cho đến ngày xét xử.

Về án phí các đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Quá trình thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt triệu tập hợp lệ nhưng bà Huỳnh Thị Ngọc Á là bị đơn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Á theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền 255.000.000 đồng phát sinh từ giao dịch dân sự. Do đó tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án là đúng quy định tại Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Hội đồng xét xử thấy rằng việc giao dịch tiền vay giữa ông Huỳnh Văn Đ và ông Trịnh Minh A, bà Huỳnh Thị Ngọc Á là có diễn ra trong thực tế. Bởi lẽ, tại phiên tòa ông A vẫn thừa nhận có vay tiền và thừa nhận giấy mượn tiền ngày 22/11/2024 do chính ông A và bà Á ký xác nhận. Tuy nhiên, hiện ông A cho rằng khoản nợ này xuất phát từ giao dịch vay trước đây với ông Trương Trí M nhưng ông không có tài liệu, chứng cứ chứng minh giao dịch đang tranh chấp với ông Đ và giao dịch với ông M là cùng một mối quan hệ. Hiện ông A căn cứ vào hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng của ông và ông M ngày 19/9/2024 và căn cứ vào việc trước đây Công an phường 9, thành phố C đã có biên bản giải quyết việc tranh chấp giữa ông và ông M để xác định đây là giao dịch vay với ông M; đồng thời 440.000.000 đồng nợ ông Đ là phần tiền lãi của giao dịch vay nặng lãi với ông M. Tuy nhiên, hiện nay biên bản giải quyết của Công an phường I, thành phố C đã bị thất lạc. Tại phiên tòa, ông A xác định nội dung biên bản làm việc của Công an phường I, thành phố C chính là chứng cứ, chứng minh về nguồn tiền vay và việc ông M cho vay nặng lãi vì đó là lời trình bày của ông tại Công an. Tuy nhiên, ông Đ và ông M không thừa nhận nên ông A vẫn cam kết sẽ thanh toán tiền cho ông Đ vào ngày 12/12/2024 số tiền 200.000.000 đồng, ngày 30/3/2025 số tiền còn lại 255.000.000 đồng. Từ cơ sở đó có căn cứ kết luận khoản vay các đương sự đang tranh chấp không liên quan đến khoản vay của ông M.

Đối với trình bày của ông A về việc sau khi đòi trừ nợ các bên thống nhất còn nợ số tiền 255.000.000 đồng, ông A có thanh toán tiếp cho ông Đ thêm số

tiền 20.000.000 đồng là có căn cứ. Bởi lẽ tại biên nhận có thể hiện ông Đ ghi xác nhận có nhận của ông A số tiền 20.000.000 đồng và 15.000.000 đồng nhưng bị gạch bỏ. Hiện đại diện nguyên đơn cho rằng khi đó bị đơn hứa thanh toán bằng cách chuyển khoản nên trong thời gian chờ đợi ông Đ ghi vào biên nhận nhưng sau đó ông A không thanh toán nên nguyên đơn đã gạch bỏ các chữ đó đi là không có căn cứ. Bởi vì biên nhận do nguyên đơn quản lý nên nguyên đơn có nghĩa vụ chứng minh việc bị đơn không thực hiện việc chuyển tiền như trong biên nhận. Vì vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ để đối trừ số tiền 20.000.000 đồng, hiện chỉ buộc ông Trịnh Minh A và bà Huỳnh Thị Ngọc Á thanh toán số tiền 235.000.000 đồng. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đối với số tiền 20.000.000 đồng còn lại.

[4] Về lãi suất: Bị đơn không thống nhất trả lãi với lý do cho rằng khoản vay 440.000.000 đồng là tiền lãi phát sinh từ giao dịch với ông M sau đó chuyển sang cho ông Đ. Tuy nhiên, bị đơn không có tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình nên không có cơ sở xem xét. Đối với việc đại diện nguyên đơn xác định đây giao dịch mượn (vay không lãi) nên tự nguyện giảm lãi với mức lãi suất 0,8%/tháng từ ngày 12/12/2024 đến ngày xét xử là 09 tháng 07 ngày là phù hợp. Tại khoản 4 điều 466 Bộ luật dân sự quy định *“Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác”*. Do đó lãi suất được tính cụ thể như sau: 235.000.000 đồng x 0,8% x 09 tháng 07 ngày = 17.358.000 đồng.

[5] Về trách nhiệm thanh toán nợ: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông A, bà Á phải cùng có trách nhiệm thanh toán nợ. Đối với bà Á vắng mặt không rõ lý do và không có ý phản hồi nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông A, bà Á cùng có trách nhiệm thanh toán nợ là phù hợp.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí phần yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận. Nguyên đơn phải chịu án phí phần yêu cầu không được chấp nhận.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 466, 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 26 Nghị Quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Trịnh Minh A và bà Huỳnh Thị Ngọc Á phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông Huỳnh Văn Đ số tiền 251.358.000 đồng, trong đó: tiền vốn là 235.000.000 đồng, tiền lãi là 17.358.000 đồng. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đối với số tiền 22.478.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày ông Huỳnh Văn Đ có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Trịnh Minh A và bà Huỳnh Thị Ngọc Á không thanh toán xong số tiền nêu trên thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông Trịnh Minh A và bà Huỳnh Thị Ngọc Á phải nộp là 12.567.000 đồng (chưa nộp). Ông Huỳnh Văn Đ phải nộp là 1.123.000 đồng, ngày 06/6/2025 ông Đ đã dự nộp số tiền 6.936.000 đồng theo biên lai thu số 0011000 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được đối trừ, ông Đ được nhận số tiền còn lại khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trịnh Xuân T